

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20-7-2022  
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Ngọc Minh

Bà Đặng Thị Đôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/6/2022 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn P1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 25/5/2022 và bản tự khai ngày 06/6/2022, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vào đầu tháng 10/2020 do anh L không chịu khó lao động để có thu nhập, hay đi chơi qua đêm; vợ chồng nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè; mỗi người một kinh tế riêng nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau.

Từ cuối tháng 10/2020, chị phải bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, đã có bản tự khai ngày 09/6/2022 trình bày: Thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào tháng 10/2020 do bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống, chị T sống không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ cuối tháng 10/2020 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh L đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh chị đều đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ. Chị T và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn về cơ bản chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T, anh L là nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn L là bị đơn có nơi cư trú tại thôn P 1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh L.

#### *- Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T kết hôn với anh L do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, ngày 06/7/2020. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu 10/2020 do lối sống, phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung T nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ cuối tháng 10/2020, đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, chị T xin ly hôn anh L, anh L đồng ý là có cơ sở, cần được chấp nhận, nên xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh chị chưa có con chung, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
2. Về con chung: Anh chị chưa có con chung, nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: AA/2016, số: 0002037 ngày 06/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**